

Số: 28 /2013/QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày 30 tháng 5 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế tuyển dụng công chức  
xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy  
ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công  
chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ trưởng Bộ  
Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công  
chức xã, phường, thị trấn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 572/TTr-SNV ngày  
10/5/2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển dụng công chức xã,  
phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay  
thế Quyết định số 61/2004/QĐ-UBND ngày 19/7/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh về  
việc ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn.

**Điều 3.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở  
Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân  
các huyện, thị xã và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách  
nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- Văn phòng chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH;
- CT, PCT;
- Sở Nội vụ (5b);
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng NC-NgV;
- Trung tâm Tin học-Công báo;
- Lưu: VT(T-QĐ94-21/5).



*Nguyễn Văn Trâm*



**QUY CHẾ**

**Tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn  
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 28 /2013/QĐ-UBND  
ngày 30 / 5 /2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về thi tuyển, xét tuyển (gọi chung là tuyển dụng) các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng và chế độ tập sự của công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là công chức cấp xã).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với đơn vị thực hiện tuyển dụng công chức cấp xã và người dự tuyển vào chức danh công chức cấp xã được quy định tại Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Nghị định số 112/2011/NĐ-CP).

**Điều 3. Căn cứ tuyển dụng**

Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, tiêu chuẩn chức danh và số lượng chỉ tiêu biên chế theo từng chức danh được Ủy ban nhân dân tỉnh giao và hướng dẫn của Sở Nội vụ.

**Điều 4. Điều kiện đăng ký dự tuyển**

1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển công chức:

- a) Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;
- b) Đủ 18 tuổi trở lên;
- c) Có đơn dự tuyển; có lý lịch rõ ràng;
- d) Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp với chức danh dự tuyển. Về văn bằng, chứng chỉ: Không phân biệt hình thức đào tạo và loại hình đào tạo công lập, ngoài công lập;
- đ) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- e) Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ;
- g) Các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển gắn với chuyên ngành đào tạo, các kỹ năng, kinh nghiệm phù hợp với tiêu chuẩn cụ thể và nhiệm vụ đối với từng chức danh công chức cấp xã theo quy định tại Điều 2, Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiêu chuẩn cụ thể đối với chức danh công chức dự tuyển (gọi tắt là Thông tư số

06/2012/TT-BNV).

2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển công chức:

a) Không cư trú tại Việt Nam;

b) Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

3. Ngoài các điều kiện đăng ký dự tuyển quy định tại Khoản 1, Điều này, đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã, Trưởng Công an xã còn phải có khả năng phối hợp với các đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và lực lượng khác trên địa bàn xây dựng nền Quốc phòng toàn dân và thực hiện một số nhiệm vụ phòng thủ dân sự; giữ gìn an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của nhà nước.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản báo cáo về các điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã quy định tại Khoản 1, Điều này để Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã (sau đây gọi tắt là cấp huyện) xem xét, quyết định.

#### **Điều 5. Hình thức tuyển dụng**

1. Đối với các chức danh Văn phòng - thống kê, Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội:

a) Thực hiện xét tuyển đối với người dự tuyển là người dân tộc thiểu số bản địa ở các xã biên giới, miền núi, các xã đặc biệt khó khăn. Danh sách xét tuyển các chức danh công chức cấp xã quy định tại Khoản 1, Điều này sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các thủ tục xét tuyển;

b) Các đối tượng khác thực hiện thi tuyển đối với người dự tuyển các chức danh công chức quy định tại Khoản 1, Điều này ở các xã, phường, thị trấn để tuyển dụng.

2. Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã, Trưởng Công an xã:

Thực hiện việc xét tuyển và bổ nhiệm đối với người có đủ điều kiện quy định tại Điều 4, Quy chế này và theo quy định của Luật Dân quân tự vệ, Pháp lệnh Công an xã. Quy trình thực hiện theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

#### **Điều 6. Ưu tiên trong tuyển dụng**

Ưu tiên trong tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP.

#### **Điều 7. Thẩm quyền tuyển dụng**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo Quy chế này.

2. Căn cứ số lượng người đăng ký dự tuyển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thành lập Hội đồng Thi tuyển hoặc Hội đồng Xét tuyển (Hội đồng Thi tuyển, Hội đồng Xét tuyển sau đây gọi chung là Hội đồng Tuyển dụng).

3. Trường hợp không thành lập Hội đồng Tuyển dụng, Phòng Nội vụ tham mưu UBND cấp huyện báo cáo Sở Nội vụ, sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc tuyển dụng công chức cấp xã. Khi tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã vẫn phải thành lập các Ban Giúp việc theo quy định tại Khoản 4, Điều 13, Quy chế này.

### **Điều 8. Tài liệu ôn tập tuyển dụng công chức cấp xã**

Tài liệu ôn tập trong tuyển dụng công chức cấp xã là tài liệu để ôn thi trong thi tuyển hoặc phỏng vấn trong xét tuyển do Ủy ban nhân dân cấp huyện biên soạn và ban hành sau khi tham khảo ý kiến của Sở Nội vụ.

### **Điều 9. Hồ sơ dự tuyển và hồ sơ trúng tuyển**

1. Hồ sơ dự tuyển công chức cấp xã bao gồm:

a) Đơn đăng ký dự tuyển công chức cấp xã (theo mẫu do Bộ Nội vụ ban hành kèm theo Thông tư số 06/2012/TT-BNV);

b) Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

c) Bản sao giấy khai sinh;

d) Bản chụp các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của chức danh công chức dự tuyển; trường hợp đã tốt nghiệp, nhưng cơ sở đào tạo chưa cấp bằng hoặc chứng chỉ tốt nghiệp thì nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp;

đ) Giấy chứng nhận sức khỏe do tổ chức y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

e) Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng công chức cấp xã (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

f) Hợp đồng lao động của cơ quan, bản nhận xét đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ của cơ quan (nếu có);

g) Bản sao sổ Bảo hiểm xã hội (nếu có);

h) 02 ảnh 3 x 4 và 02 phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ, số điện thoại liên lạc.

2. Hồ sơ dự tuyển của người trúng tuyển công chức cấp xã là hồ sơ trúng tuyển. Hồ sơ dự tuyển không phải trả lại cho người đăng ký dự tuyển và không sử dụng để thi tuyển, xét tuyển công chức cấp xã lần sau.

### **Điều 10. Thông báo tuyển dụng, tiếp nhận hồ sơ dự tuyển**

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thực hiện việc thông báo tuyển dụng và tiếp nhận hồ sơ tuyển dụng công chức cấp xã. Việc thông báo phải công khai trên Đài Phát thanh, Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện và trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tuyển dụng về tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng, chức danh công chức cần tuyển, thời hạn, địa điểm tiếp nhận hồ sơ của người đăng ký dự tuyển, thời gian thi tuyển, xét tuyển, hình thức, nội dung, địa điểm, lệ phí thi tuyển, xét tuyển và được đăng trên 03 số báo liên tiếp của tỉnh.

2. Thời hạn nhận hồ sơ của người đăng ký dự tuyển ít nhất là 30 ngày, kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

3. Chậm nhất 07 ngày trước ngày tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải lập danh sách người đủ điều kiện dự tuyển và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện và trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tuyển dụng.

### **Điều 11. Tổ chức tuyển dụng**

1. Khi hết thời hạn nhận hồ sơ của người đăng ký dự tuyển, chậm nhất 10 ngày trước ngày tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thành lập Hội đồng Tuyển dụng để tổ chức tuyển dụng.

2. Trường hợp số lượng người đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng công chức cấp xã trong phạm vi quản lý của cấp huyện dưới 20 người thì không phải thành lập Hội đồng Tuyển dụng.

3. Phòng Nội vụ là cơ quan Thường trực giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định tại Quy chế này.

### **Điều 12. Lệ phí dự tuyển**

1. Lệ phí dự tuyển công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 163/2010/TTLT/BTC-BNV ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự thi tuyển và phí dự thi nâng ngạch công chức, viên chức.

2. Kinh phí tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo quy định hiện hành. Phần vượt chi do ngân sách cấp bù. Thường trực Hội đồng Tuyển dụng (Phòng Nội vụ) chủ trì phối hợp với các ngành liên quan lập dự trù kinh phí trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

### **Điều 13. Hội đồng Tuyển dụng**

1. Hội đồng Tuyển dụng công chức cấp xã (sau đây viết tắt là Hội đồng Tuyển dụng) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập, thực hiện nhiệm vụ trong kỳ thi tuyển, xét tuyển và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Chủ tịch Hội đồng Tuyển dụng được sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phó Chủ tịch Hội đồng Tuyển dụng được sử dụng con dấu của Phòng Nội vụ trong thời gian tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã.

3. Hội đồng Tuyển dụng công chức có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng Phòng Nội vụ;

c) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là công chức thuộc Phòng Nội vụ;

d) Một ủy viên là công chức Sở Nội vụ do Giám đốc Sở Nội vụ cử;

đ) Các ủy viên khác là đại diện lãnh đạo một số cơ quan chuyên môn cấp huyện có liên quan.

4. Hội đồng Tuyển dụng làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số, có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Thành lập các Ban Giúp việc gồm: Ban Đề thi, Ban Coi thi, Ban Phách, Ban Chấm thi trong trường hợp tổ chức thi tuyển; Ban Kiểm tra sát hạch trong trường hợp tổ chức xét tuyển; Ban Phúc khảo;

b) Tổ chức thu phí dự tuyển và sử dụng theo quy định;

c) Tổ chức chấm thi hoặc xét tuyển;

d) Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày tổ chức chấm thi xong hoặc xét tuyển xong, Hội đồng Tuyển dụng phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện kết quả

thi tuyển hoặc xét tuyển để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét ra quyết định công nhận kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển;

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển.

5. Trình tự tổ chức tuyển dụng, nội quy kỳ thi tuyển dụng, nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng Tuyển dụng, các Ban Giúp việc, Hội đồng Tuyển dụng căn cứ Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức và nội quy thi tuyển, thi nâng ngạch công chức ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và tình hình thực tế của địa phương quy định chi tiết để thực hiện.

## **Chương II** **TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

### **Mục 1** **THI TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

#### **Điều 14. Đề thi, môn thi và thời gian thi**

##### **1. Đề thi**

a) Đề thi do Trưởng Ban Đề thi trình Chủ tịch Hội đồng Thi tuyển bốc thăm, lựa chọn. Trường hợp không thành lập Hội đồng Thi tuyển thì do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định lựa chọn.

b) Đề thi phải căn cứ trên tài liệu hướng dẫn ôn tập do Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành.

##### **2. Môn thi**

a) Môn kiến thức chung: Thi viết 01 bài thời gian 120 phút về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực tương ứng với chức danh công chức cần tuyển dụng.

b) Môn nghiệp vụ chuyên ngành: Thi viết 01 bài thời gian 120 phút và thi trắc nghiệm 01 bài thời gian 30 phút về nghiệp vụ chuyên ngành theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển dụng.

Nội dung thi môn nghiệp vụ chuyên ngành trong kỳ thi tuyển công chức cấp xã phải căn cứ vào tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn và nhiệm vụ của từng chức danh công chức cần tuyển dụng. Trường hợp trong cùng một kỳ thi tuyển nhiều chức danh công chức cấp xã có yêu cầu trình độ chuyên môn khác nhau thì Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức xây dựng các đề thi môn nghiệp vụ chuyên ngành khác nhau, bảo đảm phù hợp với yêu cầu của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng.

Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện không xây dựng được các đề thi môn nghiệp vụ chuyên ngành thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản đề nghị Sở Nội vụ xây dựng các đề thi môn nghiệp vụ chuyên ngành, bảo đảm phù hợp với yêu cầu của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng.

c) Môn tin học văn phòng: Thi thực hành trên máy hoặc thi trắc nghiệm, thời gian 30 phút theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển dụng. Hình thức thi trắc nghiệm hoặc thi thực hành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

Người đăng ký dự tuyển công chức cấp xã nếu có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin trở lên (Trung cấp tin học) thì được miễn thi môn tin học văn phòng.



### **Điều 15. Cách tính điểm**

1. Bài thi được chấm theo thang điểm 100.
2. Điểm các môn thi được tính như sau:
  - a) Môn kiến thức chung: Tính hệ số 1;
  - b) Môn nghiệp vụ chuyên ngành: Bài thi viết tính hệ số 2, bài thi trắc nghiệm tính hệ số 1;
  - c) Môn tin học văn phòng tính hệ số 1 và không tính vào tổng số điểm thi.
3. Kết quả thi tuyển là tổng số điểm của các bài thi môn kiến thức chung và môn nghiệp vụ chuyên ngành tính theo quy định tại Khoản 2, Điều này cộng với điểm ưu tiên (nếu có) quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

### **Điều 16. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển**

1. Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức phải có đủ các điều kiện sau đây:
  - a) Có đủ các bài thi của các môn thi;
  - b) Có điểm của mỗi bài thi đạt từ 50 điểm trở lên (kể cả điểm bài thi môn tin học văn phòng nếu không được miễn thi và điểm bài thi viết môn nghiệp vụ chuyên ngành chưa nhân hệ số 2);
  - c) Có kết quả thi tuyển cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu tuyển dụng của huyện, thị xã đối với từng chức danh công chức.
2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả thi tuyển bằng nhau ở chức danh công chức cần tuyển dụng thì xác định người trúng tuyển như sau: người có điểm bài thi viết môn nghiệp vụ chuyên ngành cao hơn là người trúng tuyển; nếu điểm bài thi viết môn nghiệp vụ chuyên ngành bằng nhau thì người có điểm bài thi trắc nghiệm môn nghiệp vụ chuyên ngành cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn chưa xác định được người trúng tuyển thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển.
3. Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

### **Điều 17. Việc phúc khảo trong thi tuyển**

1. Trong thời hạn 15, ngày kể từ ngày niêm yết công khai kết quả thi, Hội đồng Thi tuyển nhận đơn xin phúc khảo và giải quyết đơn xin phúc khảo (nếu có).  
Không giải quyết phúc khảo đối với đơn xin phúc khảo sau thời hạn trên và những đơn gửi bằng hộp thư điện tử, fax.
2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có thông báo kết quả chấm phúc khảo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải phê duyệt và công khai kết quả tuyển dụng.

## **Mục 2**

### **XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

#### **Điều 18. Nội dung xét tuyển**

1. Đối với các chức danh Văn phòng - thống kê, Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội:
  - a) Xét kết quả học tập của người dự tuyển;
  - b) Phỏng vấn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có thông báo kết quả chấm phúc khảo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải phê duyệt và công khai kết quả tuyển dụng.

### **Mục 3**

## **TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT TRONG TUYỂN DỤNG**

### **Điều 22. Trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức cấp xã**

1. Căn cứ điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã quy định tại Điều 4, Quy chế này và yêu cầu công việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được xem xét, tiếp nhận không qua thi tuyển đối với các trường hợp đặc biệt có đủ các điều kiện quy định tại Điều 21, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP và Điều 15, Thông tư số 06/2012/TT-BNV.

2. Trường hợp người được tuyển dụng vào công chức cấp xã theo quy định tại Điều này đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần, được bố trí chức danh theo đúng chuyên ngành đào tạo hoặc theo đúng chuyên môn nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm thì thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được tính để làm căn cứ xếp lương phù hợp với chức danh công chức được tuyển dụng (trừ thời gian tập sự, thử việc theo quy định), thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc nếu đứt quãng thì được cộng dồn.

3. Việc xếp lương đối với trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc khi được tuyển dụng vào công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 19, Thông tư số 06/2012/TT-BNV.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khi tiếp nhận các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều này và xếp lương đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3, Điều này phải báo cáo và có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ.

### **Điều 23. Quy trình tiếp nhận và hồ sơ đề nghị thống nhất ý kiến đối với các trường hợp tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển**

1. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm:

a) Ban hành văn bản thỏa thuận để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận tuyển dụng vào công chức cấp xã không qua thi tuyển và xếp lương cho công chức cấp xã đối với trường hợp có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và trường hợp đặc biệt khi được tuyển dụng vào công chức cấp xã không qua thi tuyển, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp báo cáo kết quả trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức cấp xã với Bộ Nội vụ theo quy định.

2. Quy trình tiếp nhận công chức cấp xã không qua thi tuyển thực hiện theo quy định tại Điều 16, Thông tư số 06/2012/TT-BNV.

3. Hồ sơ đề nghị Giám đốc Sở Nội vụ thống nhất ý kiến đối với các trường hợp tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển thực hiện theo quy định tại Điều 17, Thông tư số 06/2012/TT-BNV.

### **Chương III**

## **TẬP SỰ ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

### **Điều 24. Tập sự**

1. Quy định đối với người tập sự, công nhận hoàn thành tập sự, hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với người tập sự và trường hợp được miễn thực hiện chế độ tập



2. Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và Trưởng Công an xã: Xét các điều kiện đăng ký dự tuyển theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 3, Điều 4, Quy chế này, không thực hiện tính điểm theo Điều 19 của Quy chế này.

### **Điều 19. Cách tính điểm trong xét tuyển**

1. Điểm học tập được xác định bằng trung bình cộng kết quả các môn học trong toàn bộ quá trình học tập của người xét tuyển ở trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của chức danh công chức dự tuyển, được quy đổi theo thang điểm 100 và tính hệ số 2.

2. Điểm tốt nghiệp được xác định bằng trung bình cộng các bài thi tốt nghiệp hoặc điểm bảo vệ luận văn của người dự tuyển, được quy đổi theo thang điểm 100 và tính hệ số 1.

3. Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100 và tính hệ số 1.

4. Kết quả xét tuyển là tổng số điểm học tập, điểm tốt nghiệp, điểm phỏng vấn tính theo quy định tại các Khoản 1, 2 và 3, Điều này và điểm ưu tiên (nếu có) quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

5. Trường hợp người dự xét tuyển có trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển dụng, Hội đồng xét tuyển căn cứ kết quả học tập trong hồ sơ của người dự tuyển và điểm phỏng vấn để tính điểm theo quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này.

### **Điều 20. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển**

1. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển các chức danh công chức quy định tại Khoản 1, Điều 18 của Quy chế này phải đủ các điều kiện sau:

a) Có điểm học tập, điểm tốt nghiệp và điểm phỏng vấn, mỗi loại đạt từ 50 điểm trở lên (điểm học tập chưa nhân hệ số 2).

b) Có kết quả xét tuyển cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng chức danh công chức.

2. Trường hợp từ 02 người trở lên có kết quả xét tuyển bằng nhau ở cùng chức danh công chức cần tuyển thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên: Người có kết quả điểm học tập cao hơn là người trúng tuyển; nếu kết quả học tập bằng nhau thì người có kết quả điểm tốt nghiệp cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn chưa xác định được người trúng tuyển thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển.

3. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã, Trưởng Công an xã là người đạt các điều kiện đăng ký dự tuyển quy định Khoản 1 và Khoản 3 Điều 4, Quy chế này và theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện (nếu tuyển Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã) hoặc Trưởng Công an cấp huyện (nếu tuyển Trưởng Công an xã).

4. Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

### **Điều 21. Phúc khảo trong xét tuyển**

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết công khai kết quả xét tuyển, nếu thấy có sai sót của Hội đồng Xét tuyển trong việc tính điểm học tập, điểm tốt nghiệp thì người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo đến Hội đồng Xét tuyển.

Không giải quyết phúc khảo đối với đơn xin phúc khảo sau thời hạn trên và những đơn gửi bằng hộp thư điện tử, fax.

sự thực hiện theo Điều 22, Điều 25, Điều 26, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP và Điều 18, Thông tư số 06/2012/TT-BNV.

2. Quy định đối với hướng dẫn tập sự và thực hiện chế độ chính sách đối với người hướng dẫn tập sự thực hiện theo Điều 23, Điều 24, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP.

## **Chương IV** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 25. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức cấp xã theo đúng Quy chế này. Trường hợp Hội đồng Thi tuyển, xét tuyển hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện không đúng Quy chế này thì bị hủy bỏ kết quả thi tuyển, xét tuyển.

2. Sở Nội vụ chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra trước, trong và sau quá trình tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức cấp xã theo Quy chế này. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc tiếp nhận công chức cấp xã không qua thi tuyển đối với các trường hợp đặc biệt và việc xếp lương đối với trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc khi được tuyển dụng vào công chức cấp xã.

3. Trong quá trình thực hiện nếu cơ quan, cá nhân nào vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc chưa phù hợp thì Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã phản ánh về Sở Nội vụ để kịp thời xem xét, hướng dẫn hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung.

### **Điều 26. Các quy định khác**

Các quy định khác liên quan đến tuyển dụng công chức cấp xã không quy định trong Quy chế này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn và Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn và các quy định pháp luật khác có liên quan./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Văn Trâm*